TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17-4-2024
V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nga;

Ông Lại Hữu Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H , sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ: E10/16A tổ 9, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H , sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: E10/16A tổ 9, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 22/11/2023 và lời khai của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H thì:

Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định cấp ngày 28/11/2002. Sau

khi kết hôn, bà và ông H chung sống tại địa chỉ E10/16A tổ 9, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khiến cuộc sống trở nên căng thẳng, ngột ngạt và không hạnh phúc. Mặc dù gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn, hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn giữa bà và ông H không thể giải quyết được. Mặc dù bà và ông H vẫn đang chung sống cùng nhau dưới một mái nhà nhưng bà và ông H không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà nhận thấy hôn nhân đã không còn mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn H .

Về con chung: Bà xác nhận bà và ông Nguyễn Văn H có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Quang H , sinh ngày: 20/5/2005, giới tính: Nam và Nguyễn Minh H1 , sinh ngày: 18/3/2010, giới tính: Nam. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Minh H1 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Do con chung Nguyễn Quang H đã thành niên có khả năng lao động để tự nuôi mình nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với việc nuôi con chung Nguyễn Quang H .

Về tài sản chung: Bà xác nhận bà và ông Nguyễn Văn H có tài sản chung, tuy nhiên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này, bà và ông H sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, trường hợp bà và ông H không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày: 20/5/2005, giới tính: Nam (đã thành niên) và Nguyễn Minh H1, sinh ngày: 18/3/2010, giới tính: Nam có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn.

Theo kết quả xác minh của Công an xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 267/TAHBC ngày 25/01/2024 về việc xác minh tình trạng cư trú của bị đơn của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Văn H , sinh năm: 1973 có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ E10/16A tổ 9, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn xin ly hôn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H .

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Quang H , sinh ngày: 20/5/2005, giới tính: Nam và Nguyễn

Minh H1 , sinh ngày: 18/3/2010, giới tính: Nam. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Minh H1 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Do con chung Nguyễn Quang H đã thành niên có khả năng lao động để tự nuôi mình nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với việc nuôi con chung Nguyễn Quang H .

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H xác nhận bà và ông Nguyễn Văn H có tài sản chung, tuy nhiên, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này, bà H và ông H sẽ tự thỏa thuận, trường hợp bà và ông H không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195; Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H , yêu cầu Tòa án giải quyết về việc con chung và tài sản chung nên tranh chấp giữa bà H và ông Quang là "Tranh chấp về ly hôn". Theo kết quả xác minh của Công an xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 267/TAHBC ngày 25/01/2024 về việc xác minh tình trạng cư trú của bị đơn của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Văn H , sinh năm: 1973 có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ: E10/16A tổ 9, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập làm bản tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Giấy triệu tập; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, ông H cũng không trình bày ý kiến của mình về việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên cũng như về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Xét yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn H* :

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định cấp ngày 28/11/2002 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H là hợp pháp.

Căn cứ theo Công văn số 1429/UBND ngày 11/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông H thì Ủy ban nhân dân xã V cho biết Ủy ban nhân dân xã V chưa có thực hiện hòa giải mâu thuẫn hôn nhân và gia đình giữa bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Văn H . Do đó, Ủy ban nhân dân xã không nắm rõ được việc mâu thuẫn gia đình của bà H với ông Hàng.

Xét thấy, vợ chồng phải yêu thương, thấu hiểu, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà H thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, thường xuyên xảy ra cãi vã và bất đồng quan điểm, mặc dù vợ chồng cùng chung sống dưới một mái nhà nhưng tình cảm đã không còn, không quan tâm và chia sẻ lẫn nhau; Xét thấy vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ ông H để ông H trình bày ý kiến, nguyện vọng đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hồng, giải quyết mâu thuẫn và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông H vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến, không có thiện chí đoàn tụ. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật

hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà H có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của bà Nguyễn Thị H* :

Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm cả cha và mẹ. Hiện tại, đối với con chung Nguyễn Quang H đã thành niên có khả năng lao động để tự nuôi mình nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung Nguyễn Minh H1 đang được cả bà H và ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, trẻ Nguyễn Minh H1 đang tuổi vị thành niên, tâm sinh lý có nhiều thay đổi, còn rất nhỏ nên trẻ cần rất nhiều tình cảm, sự quan tâm, gần gũi chăm sóc của người mẹ trong việc phát triển tâm, sinh lý, trẻ cũng có nguyện vọng được chung sống cùng mẹ là bà H nếu bố mẹ ly hôn (Bản tự khai của hai trẻ ngày 23/02/2024). Vì vậy, để đảm bảo cho trẻ Minh Hoàng có một cuộc sống và sự phát triển toàn diện nhất, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trẻ Minh Hoàng cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Ông Nguyễn Văn H (là cha của hai trẻ) vắng mặt trong các buổi hòa giải và tại phiên tòa xét xử nên không ghi nhận được ý kiến.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn H không trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Minh Hoàng thì phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Minh Hoàng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị H xác nhận bà và ông Nguyễn Văn H có tài sản chung, tuy nhiên, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này, bà H và ông H sẽ tự thỏa thuận, trường hợp bà và ông H không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị H xác nhận bà và ông Nguyễn Văn H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào Khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn H .

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Quang H , sinh ngày: 20/5/2005, giới tính: Nam, đã thành niên và Nguyễn Minh H1 , sinh ngày: 18/3/2010, giới tính: Nam.

Giao trẻ Nguyễn Minh H1 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị H tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Nguyễn Minh H1 , không ai có quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. *Về án phí sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033106 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 6a, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Trang